

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12/9/2024

"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Hữu Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và ông Vũ Xuân Dư

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐST - HNGĐ ngày 15/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lâm Thị H**, sinh năm 1985; ĐKKH: **xóm A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Hiện tạm trú tại: **xóm H, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình**.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Văn T**, sinh năm 1977; ĐKKH và trú tại: **Xóm A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình**.

Tại phiên tòa: Chị **H** có đơn xin xét xử vắng mặt; anh **T** vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 24/6/2024 được bổ sung tại bản tự khai cùng ngày nguyên đơn chị **Lâm Thị H** trình bày: Chị và anh **Vũ Văn T** kết hôn với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh **T**. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình giúp đỡ khuyên giải nhiều lần nhưng tình trạng vợ chồng không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng nặng nề hơn. Do không thể chịu đựng được nên từ giữa năm

2014 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định thời gian vợ chồng ly thân đã quá lâu, không còn khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con cái: Chị xác định giữa chị và anh T có hai người con chung là Vũ Ngọc C, sinh năm 2004 và Vũ Văn C1, sinh ngày 12/3/2009. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu C1 và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con cho chị. Riêng cháu C đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, chị xác định giữa chị và anh T tự thoả thuận với nhau. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án anh Vũ Văn T, có ĐKKHKT và trú tại: xóm A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, anh T đã được Tòa án nhân dân huyện K giao Thông báo thụ lý vụ án và thông báo các văn bản tố tụng khác như thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T chỉ nhận văn bản mà không ký, cũng không trình bày bản khai mà chỉ trình bày miệng nội dung xác nhận tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn của vợ chồng như chị H đã trình bày, đồng thời đề nghị Tòa án cứ giải quyết ly hôn đơn phương cho chị H vì anh là người theo đạo Thiên Chúa G không được phép ly hôn. Về con cái và tài sản anh xác định vợ chồng có 02 người con như chị H trình bày, hiện cháu C đã thành niên, còn cháu C1 đang ở với anh. Trường hợp giải quyết ly hôn thì Tòa án cứ hỏi nguyện vọng cháu C1, anh sẽ tôn trọng nguyện vọng của cháu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K qua bài phát biểu tại phiên tòa thể hiện Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành theo quy định của pháp luật, còn bị đơn cũng chấp hành một phần theo quy định của pháp luật, đồng thời đề xuất việc giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, đề xuất xử ly hôn giữa chị Lâm Thị H với anh Vũ Văn T; giao anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vũ Văn C1 là con chung của vợ chồng và buộc chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị H và anh Vũ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/01/2003 tại UBND xã C là nơi anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Theo chị H thì quá trình chung sống vợ chồng xảy ra

mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ hơn 10 năm nay không quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống, còn anh T sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án của Toà án thì cũng xác nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như chị H đã trình bày và đề nghị Toà án cứ giải quyết ly hôn đơn phương cho chị H vì anh là người theo đạo Thiên Chúa G không được phép ly hôn nhưng anh chỉ trình bày miệng mà không viết bản khai đồng thời không ký nhận các văn bản tố tụng do Toà án giao và không có mặt tại Toà án để tham gia phiên hoà giải. Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh T qua UBND xã C là nơi chị H và anh T sinh sống trước đây thì chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng chị H, anh T xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ nhiều năm nay.

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị H, anh T xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến nhau; mặc dù đã được hai bên gia đình giúp đỡ hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con cái: Vợ chồng có hai người con chung là Vũ Ngọc C, sinh năm 2004 (đã thành niên) và Vũ Văn C1, sinh ngày 12/3/2009. Khi ly hôn chị H xin được nuôi cháu C2 và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con cho chị, còn anh T dù không viết bản khai nhưng qua trình bày miệng xác định hiện cháu C1 đang ở với anh và anh đề nghị Toà án cứ hỏi ý kiến cháu C1 nếu cháu muốn ở với ai thì anh sẽ tôn trọng ý kiến của cháu. Xét cháu C1 đang do anh T nuôi dưỡng và cháu C1 qua ý kiến trình bày có nguyện vọng được ở với bố, vì vậy để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc sống và việc học tập của cháu C1, cần chấp nhận theo nguyện vọng của cháu để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu C1 và buộc chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T là phù hợp. Riêng cháu C đã thành niên nên chị H và anh T không yêu cầu giải quyết vì vậy HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản: Chị H xác định vợ chồng tự thoả thuận với nhau, còn anh T1 không có ý kiến gì vì vậy HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 144, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản

6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị **Lâm Thị H** với anh **Vũ Văn T**.

2. Giao anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu **Vũ Văn C1**, sinh ngày 12/3/2009; Chị **H** có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh **T** mỗi tháng 2.000.000đ tính từ tháng 9/2024 đến khi cháu **C1** thành niên.

“Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc tham nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

3. Án phí sơ thẩm: Chị **Lâm Thị H** phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng án phí chị **H** phải nộp là 600.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002246 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị **H** còn phải nộp số tiền án phí còn thiếu là 300.000đ.

Kể từ ngày anh **T** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị **H** không nộp số tiền phải thanh toán nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử sơ thẩm công khai, chị **H** và anh **T** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh